

Số: 949 /BXD-KHCN

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2024

V/v hướng dẫn thực hiện Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD.

Kính gửi: Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh

Bộ Xây dựng nhận được văn bản số 20738/SXD-VLXD ngày 28/12/2023 của Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị hướng dẫn thực hiện Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD. Sau khi nghiên cứu, Bộ Xây dựng có ý kiến sau:

1. Về xác nhận bản đăng ký của Cơ quan kiểm tra

QCVN 16:2023/BXD đã quy định người nhập khẩu phải nộp Bản đăng ký cho Cơ quan Hải quan. Cụ thể về số lượng Bản đăng ký, Cơ quan kiểm tra sẽ có quy định rõ tùy theo mục đích sử dụng đối với từng cơ quan và từng đơn vị nhập khẩu cho phù hợp.

2. Về nộp giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa

2.1. Hướng dẫn cụ thể bản sao y bản chính

Sao y bản chính hay còn gọi là chứng thực bản sao từ bản chính.

Theo khoản 2 Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về Cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì chứng thực bản sao từ bản chính là việc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP căn cứ vào bản chính để chứng thực bản sao là đúng với bản chính.

Tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về Công tác văn thư định có nghĩa “bản sao y” là bản sao đầy đủ, chính xác nội dung của bản gốc hoặc bản chính văn bản, được trình bày theo thể thức và kỹ thuật quy định.

Mặt khác, thuật ngữ “Sao y bản chính” đã được quy định trong nhiều văn bản hiện hành như Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020, ...

Vì vậy, Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) giấy chứng nhận hợp quy và kết quả kiểm tra chất lượng hàng hóa là bản chụp từ bản chính có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

2.2. Hướng dẫn cụ thể “cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định buộc tái xuất, tiêu hủy hoặc tái chế hàng hóa”

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định buộc tái xuất, tiêu hủy hoặc tái chế hàng hóa trong QCVN 16:2023/BXD quy định là các Cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý trên địa bàn và Cơ quan kiểm tra nhà nước chuyên ngành: Cấp trung ương là Bộ Xây dựng; cấp địa phương là Sở Xây dựng hoặc Sở chuyên ngành do tỉnh, thành phố quy định.

3. Về Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm

Bộ Xây dựng đã có văn bản số 131/BXD-KHCN ngày 08/01/2024 gửi Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về việc đăng ký cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận phù hợp quy chuẩn, trong đó có viện dẫn điểm b khoản 4 Điều 16 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật:

“4. Tổ chức chứng nhận hợp quy được tiến hành hoạt động chứng nhận hợp quy sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

.....

b) Đăng ký hoạt động chứng nhận hợp quy tại Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành quy chuẩn kỹ thuật;

.....”.

Việc đăng ký hoạt động Chứng nhận/Thử nghiệm được thực hiện theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 trong đó có nêu rõ về các tiêu chí và sản phẩm đăng ký theo các tiêu chuẩn hiện hành có hiệu lực.

Vì vậy, các đơn vị được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động Chứng nhận/Thử nghiệm theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 được Bộ Xây dựng cấp mà bao gồm các sản phẩm, chỉ tiêu và phương pháp thử được viện dẫn tại QCVN 16:2023/BXD thì hoàn toàn phù hợp.

4. Về quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu

Theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa việc thực hiện kiểm tra hàng hóa VLXD nhập khẩu quy định tại QCVN 16:2023/BXD được chuyển sang hình thức hậu kiểm. Vì vậy, các đơn vị nhập khẩu phải chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định theo văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan (Cụ thể đã được nêu tại mục 3.3 của QCVN 16:2023/BXD), nếu vi phạm thì sẽ bị xử lý theo các quy định của pháp luật (Cụ thể đã được nêu tại mục 3.4 của QCVN 16:2023/BXD).

5. Về thực hiện kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa VLXD theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa Asean

Hiện tại, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ban hành quy định để triển khai thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN.

6. Một số nội dung vướng mắc cụ thể khác trong các yêu cầu kỹ thuật của QCVN 16:2023/BXD

(Các nội dung trả lời theo Phụ lục đính kèm)

Trên đây là ý kiến của Bộ Xây dựng về một số kiến nghị của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến hướng dẫn thực hiện Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD. Đề nghị Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, thực hiện./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- TT Nguyễn Văn Sinh (để b/c);
- Vụ VLXD;
- Lưu: VT, KHCN&MT, N (2b).

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



Vũ Ngọc Anh

PHỤ LỤC

MỘT SỐ NỘI DUNG VƯỚNG MẮC VỀ THÔNG TƯ SỐ 04/2023/TT-BXD VÀ QCVN 16:2023/BXD

(kèm theo công văn số 949 /BXD-KHCN ngày 06 / 3 /2024 của Bộ Xây dựng)



STT	Nội dung	Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời															
1	Về chỉ tiêu kiểm tra đối với sản phẩm, hàng hóa gạch gồm ốp lát tại phần Ghi chú cuối Phụ lục C	Quy định: “cần kiểm tra chỉ tiêu ... 6;”, tuy nhiên tại Bảng C-1 và bảng C-2 không quy định chỉ tiêu số 6. Kiến nghị: nghiên cứu, soát xét, điều chỉnh để áp dụng.	- Đối với gạch có kích thước.... cần kiểm tra chỉ tiêu 1, 2, 3, 4, 5 (Bỏ số 6 đối với tất cả các ghi chú) - Đối với gạch có kích thước từ 2 cm đến nhỏ hơn 10 cm... cần kiểm tra chỉ tiêu 1, 4, 5;... (thay cho chỉ tiêu 1, 3, 5)															
2	Về mức yêu cầu kỹ thuật đối với chỉ tiêu độ chịu mài mòn bề mặt nhóm đá thạch anh quy định tại Phụ lục D	<table border="1"> <tr> <td rowspan="2">3. Độ chịu mài mòn bề mặt - H_a, không nhỏ hơn (*)</td> <td colspan="3">Nhóm đá thạch anh</td> </tr> <tr> <td>I</td> <td>II</td> <td>III</td> </tr> <tr> <td>Tại Phụ lục D của QCVN 16:2023/BXD</td> <td>28</td> <td>8</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>Tại Bảng 3 của TCVN 4732:2016</td> <td>2</td> <td colspan="2">8</td> </tr> </table> <p>Qua đối chiếu nội dung quy định tại QCVN 16:2023/BXD và TCVN 4732:2016 Đá ốp lát tự nhiên - Yêu cầu kỹ thuật thì có sự sai khác, chênh lệch mức yêu cầu kỹ thuật lớn. Trong khi QCVN 16:2023/BXD vẫn ghi tài liệu viện dẫn TCVN 4732:2016 Kiến nghị: nghiên cứu, soát xét, điều chỉnh lại cho thống nhất.</p>	3. Độ chịu mài mòn bề mặt - H _a , không nhỏ hơn (*)	Nhóm đá thạch anh			I	II	III	Tại Phụ lục D của QCVN 16:2023/BXD	28	8	2	Tại Bảng 3 của TCVN 4732:2016	2	8		Phụ lục D - Đá ốp lát tự nhiên - 3. Độ chịu mài mòn bề mặt - Nhóm đá thạch anh có Mức yêu cầu lần lượt là: 8 - 8 - 2 (Thay cho mức 28-8-2)
3. Độ chịu mài mòn bề mặt - H _a , không nhỏ hơn (*)	Nhóm đá thạch anh																	
	I	II	III															
Tại Phụ lục D của QCVN 16:2023/BXD	28	8	2															
Tại Bảng 3 của TCVN 4732:2016	2	8																
3	<p>IX. Các sản phẩm ống cấp thoát nước</p> <p>Mục 1 Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC</p>	<p>- Đối với ống và phụ tùng PVC-U: + ở 20°C, trong 1h;</p> <p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>Nội dung đề nghị:</p> <p>- Đối với ống PVC-U - Điều 8.2, TCVN 8491-2:2011 (ISO 1452-2:2009) + ở 20°C, trong 1h;</p> <p>- Đối với phụ tùng PVC-U - Điều 8.1 (phụ kiện hệ mét) và A.9 (phụ kiện hệ inch), TCVN 8491-3:2011 (ISO 1452-3:2009)</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống.</p> <p>Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá).</p>															

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
			<p>+ ở 20°C, trong 1h; Vì mức áp thử nghiệm sẽ được tính theo công thức trong bộ tiêu chuẩn TCVN 6149</p> $p = 10\sigma \frac{2e_n}{d_n - e_n}$ <p>Tuy nhiên trong các thông số tại công thức có thông số ứng suất vòng (σ) được quy định từ các yêu cầu kỹ thuật của từng loại sản phẩm ống và từng loại sản phẩm phụ kiện ống. Và mức ứng suất vòng cho phép khác nhau theo từng loại sản phẩm, nhiệt độ, và thời gian thử nghiệm đối với chỉ tiêu Độ bền với áp suất bên trong.</p>	
4	<p>IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Mục 1 Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC</p>	<p>- Đối với ống và phụ tùng PVC-C: + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 165h;</p>	<p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>Nội dung đề nghị:</p> <p>- Đối với ống PVC-C – Điều 7.1, ISO 15877-2:2009 + amd1:2010 + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 165h;</p> <p>- Đối với phụ tùng PVC-C + ở 20°C, trong 1h; – Điều 7.1, ISO 15877-3:2009 + amd1:2010 + ở 95°C, trong 165h; – tham khảo Điều 7.1, ISO 15877-2:2009 + amd1:2010</p> <p>Tương tự như mục 3 và bổ sung thêm như sau: Đối với phụ tùng ống PVC-C tiêu chuẩn ISO 15877-3:2009 + amd1:2010 không quy định thử ở điều kiện ở 95°C, trong 165h vì vậy không có thông số để tính mức áp thử, đề nghị tham khảo theo sản phẩm ống theo tiêu chuẩn ISO 15877-3:2009 + amd1:2010</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD. Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống. Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá)</p>

STT	Nội dung	Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
5	IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Mục 1 Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PVC	<p>- Đối với ống và phụ tùng PVC-M:</p> <p>+ ở 20°C, trong 1h;</p> <p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>Nội dung đề nghị:</p> <p>- Đối với ống PVC-M – Điều 6.8.2, TCVN 11822:2017 + ở 20°C, trong 1h;</p> <p>- Đối với phụ tùng PVC-M - tham khảo Điều 6.8.2, TCVN 11822:2017 + ở 20°C, trong 1h;</p> <p>Tương tự như mục 3 và bổ sung thêm như sau:</p> <p>Đối với phụ kiện thông số thử đề nghị tham khảo thông số thử của ống.</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống.</p> <p>Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá).</p>
6	IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE	<p>- Đối với ống và phụ tùng PE:</p> <p>+ ở 20°C, trong 100h;</p> <p>+ ở 80°C, trong 165h;</p> <p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào</p> <p>- Đối với ống và phụ tùng PE: - Điều 7.2, TCVN 7305-2:2008 đối với ống và Điều 7.3 TCVN 7305-3:2008 đối với phụ tùng:</p> <p>+ ở 20°C, trong 100h;</p> <p>+ ở 80°C, trong 165h;</p> <p>Tương tự như mục 3</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống.</p> <p>Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá)</p>
7	IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE	<p>- Đối với ống và phụ tùng PE-X:</p> <p>+ ở 20°C, trong 1h;</p> <p>+ ở 95°C, trong 1h;</p> <p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>- Đối với ống PE-X-Điều 7, ISO 15875-2:2003 + amd1:2007 + amd2:2020</p> <p>+ ở 20°C, trong 1h;</p> <p>+ ở 95°C, trong 1h;</p> <p>- Đối với phụ tùng PE-X</p> <p>+ ở 20°C, trong 1h; – Điều 7, ISO 15875-3:2003 + amd1:2007 + amd2:2021</p> <p>+ ở 95°C, trong 1h; – tham khảo Điều 7, ISO 15875-2:2003 + amd1:2007 + amd2:2020</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống.</p> <p>Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống hoặc phụ tùng có cùng cấp chịu áp để đánh giá).</p>

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
			<p>Tương tự như mục 3 và bổ sung thêm như sau: Đối với phụ tùng ống PE-X tiêu chuẩn ISO 15875-3:2003 + amd1:2007 + amd2:2021 không quy định thử ở điều kiện ở 95°C, trong 1h vì vậy không có thông số để tính mức áp thử, đề nghị tham khảo theo sản phẩm ống theo tiêu chuẩn ISO 15875-2:2003 + amd1:2007 + amd2:2020</p>	
8	<p>IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PE</p>	<p>- Đối với ống và phụ tùng PE-RT: + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 22h;</p>	<p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>- Đối với ống PE-RT – Điều 7, ISO 22391-2:2009 + amd1:2020 + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 22h;</p> <p>- Đối với phụ tùng PE-RT + ở 20°C, trong 1h; – Điều 7, ISO 22391-3:2009 + amd1:2021 + ở 95°C, trong 22h; – tham khảo Điều 7, ISO 22391-2:2009 + amd1:2020</p> <p>Tương tự như mục 3 và bổ sung thêm như sau: Đối với phụ tùng ống PE-RT tiêu chuẩn ISO 15875-3:2003 + amd1:2007 + amd2:2021 không quy định thử ở điều kiện ở 95°C, trong 1h vì vậy không có thông số để tính mức áp thử, đề nghị tham khảo theo sản phẩm ống theo tiêu chuẩn ISO 22391-2:2009 + amd1:2020</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD. Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống. Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá).</p>
9	<p>IX Các sản phẩm ống cấp thoát nước Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) bằng PP</p>	<p>Độ bền với áp suất bên trong: + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 22h;</p>	<p>Đề nghị ghi rõ sản phẩm ống và sản phẩm phụ kiện được quy định theo bảng/điều số mấy thuộc yêu cầu kỹ thuật nào riêng lẻ cho từng sản ống và sản phẩm phụ kiện</p> <p>Độ bền với áp suất bên trong: - Đối với ống PP – Điều 7, TCVN 10097-2:2013 + ở 20°C, trong 1h; + ở 95°C, trong 22h;</p> <p>- Đối với phụ tùng + ở 20°C, trong 1h; - Điều 7, TCVN 10097-3:2013 + ở 95°C, trong 22h; - Điều 7, TCVN 10097-2:2013</p>	<p>Yêu cầu kỹ thuật cụ thể đối với từng loại sản phẩm ống và phụ kiện đã được đưa ra trong Tài liệu Viện dẫn tại Điều 1.5 của Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD. Đối với phụ tùng sẽ phải tiến hành thử nghiệm cùng điều kiện thử nghiệm ống và các thông số tính mức áp thử nghiệm của ống. Đối với trường hợp chỉ nhập phụ tùng (hoặc ống) thì điều kiện thử nghiệm cần phải được đáp ứng theo quy định. (chuẩn bị ống (hoặc phụ tùng) có cùng cấp chịu áp để đánh giá).</p>

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời												
			Tương tự như mục 3 và bổ sung thêm như sau: Đối với phụ tùng ống PP tiêu chuẩn TCVN 10097-3:2013 không quy định thử ở điều kiện ở 95°C, trong 1h vì vậy không có thông số để tính mức áp thử, đề nghị tham khảo theo sản phẩm ống theo tiêu chuẩn TCVN 10097-2:2013.													
10	Tro bay (nhóm Xi măng, phụ gia cho xi măng và bê tông)	Chỉ tiêu “Mất khi nung”	- Đối với tro bay dùng cho xi măng, chỉ tiêu mất khi nung được ghi chú (*) nhưng phần giải thích chưa làm rõ giới hạn cho phép của (*) Đề nghị cần làm rõ “cho phép lên 12% nếu đốt bằng than antraxít - Theo TCVN 10302:2014	Đối với tro bay dùng cho xi măng (Theo TCVN 10302:2014): Khi đốt than antraxít, có thể sử dụng tro bay với hàm lượng mất khi nung tới 12% theo thỏa thuận hoặc theo kết quả thử nghiệm được chấp nhận.												
11	Ngói gốm tráng men	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật	Cần bổ sung mức quy định cho bảng chỉ tiêu kỹ thuật Bảng chỉ tiêu kỹ thuật đang để trống phần mức quy định	Mức yêu cầu được quy định tại TCVN 9133:2011, cụ thể như sau: <table border="1" data-bbox="1339 671 2092 970"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu kỹ thuật</th> <th colspan="2">Mức yêu cầu</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1. Độ hút nước, %, <i>không lớn hơn</i></td> <td>$E \leq 6$</td> <td>$6 \leq E \leq 10$</td> </tr> <tr> <td>2. Tải trọng uốn gãy đối với ngói lợp, theo chiều rộng viên ngói, N/cm, <i>không nhỏ hơn</i></td> <td>200</td> <td>100</td> </tr> <tr> <td>3. Độ bền rạn men, tính theo sự xuất hiện vết rạn sau quá trình thử</td> <td colspan="2">Không rạn</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu		1. Độ hút nước, %, <i>không lớn hơn</i>	$E \leq 6$	$6 \leq E \leq 10$	2. Tải trọng uốn gãy đối với ngói lợp, theo chiều rộng viên ngói, N/cm, <i>không nhỏ hơn</i>	200	100	3. Độ bền rạn men, tính theo sự xuất hiện vết rạn sau quá trình thử	Không rạn	
Chỉ tiêu kỹ thuật	Mức yêu cầu															
1. Độ hút nước, %, <i>không lớn hơn</i>	$E \leq 6$	$6 \leq E \leq 10$														
2. Tải trọng uốn gãy đối với ngói lợp, theo chiều rộng viên ngói, N/cm, <i>không nhỏ hơn</i>	200	100														
3. Độ bền rạn men, tính theo sự xuất hiện vết rạn sau quá trình thử	Không rạn															
12	Sơn tường dạng nhũ trong	Sơn lót	Cần làm rõ Sơn lót có thuộc phạm vi áp dụng quy chuẩn không? Chỉ tiêu kỹ thuật áp dụng cho sơn phủ (trừ Hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi VOC thì không ghi sơn phủ hay sơn lót). Theo đó, có phải hiểu rằng sơn lót chỉ cần kiểm tra 01 chỉ tiêu Hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi VOC?	Sơn lót thuộc phạm vi áp dụng của QCVN 16:2023/BXD. Theo QCVN 16:2023/BXD, các sản phẩm sơn lót chỉ cần kiểm tra 01 chỉ tiêu hàm lượng hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC).												
13	Gạch bê tông tự chèn	Bảng chỉ tiêu kỹ thuật	Cần làm rõ mức quy định là tối đa, hay tối thiểu. Đề xuất: các mức yêu cầu là mức tối thiểu.	Theo tiêu chuẩn TCVN 6476:1999, Các mức quy định cụ thể theo các chỉ tiêu như sau: - Đối với chỉ tiêu Cường độ nén: mức tối thiểu (không nhỏ hơn) - Đối với chỉ tiêu độ hút nước, độ mài mòn: mức tối đa (Không lớn hơn). - Đối với chỉ tiêu độ mài mòn xác định theo Mục 5.3												

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
				của TCVN 6065:1995, theo đó, sẽ sử dụng vật liệu mài quy định tại Phụ lục B của TCVN 3114:2022 (thay thế cho TCVN 139:1991 đã hết hiệu lực).
14	Ván sợi	Hàm lượng Formaldehyt phát tán	<p>Đối với E2 cần làm rõ 2 mức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớn hơn 9 và nhỏ hơn 30 (thử nghiệm theo ISO 12460-5) - Lớn hơn 0,124 mg/m³ (thử nghiệm theo ISO 12460-1) <p>→ Kiến nghị nên xem xét thêm mức chặn trên của chỉ tiêu này khi (thử nghiệm theo ISO 12460-1)</p> <p>Lý do: Nếu không có mức chặn trên thì sản phẩm/hàng hóa tối thiểu luôn luôn đạt mức E 2 nếu thử nghiệm theo phương pháp ISO 12460-1 này và không có ý nghĩa về mặt bảo vệ sức khỏe</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chi tiêu "Hàm lượng formaldehyt phát tán" quy định trong QCVN 16:2023/BXD đối với các sản phẩm ván sợi nhằm mục đích yêu cầu các đơn vị sản xuất, nhập khẩu phải công bố hàm lượng formaldehyt có trong sản phẩm thuộc loại E1 hay loại E2. - Chi tiêu "Hàm lượng formaldehyt phát tán" quy định trong QCVN 16:2023/BXD đối với loại E2, thử theo Phương pháp phát tán (TCVN 11899-1:2018) chỉ nhằm mục đích phân loại sản phẩm, không quy định mức chặn trên. Những mức này đã được quy định tại tiêu chuẩn BS EN 622-1.
15	Ván ghép từ thanh dày và thanh trung bình	Phạm vi áp dụng	<p>Cần làm rõ phạm vi áp dụng cho chủng loại này</p> <p>Ví dụ: Theo TCVN 11205:2015, quy định</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ván ghép từ thanh dày, chiều rộng thanh từ 7-30 mm - Ván ghép từ thanh trung bình, chiều rộng thanh từ 30-76 mm <p>Vậy nếu ghép từ các thanh có chiều rộng < 7 mm hay > 76 mm thì có thuộc phạm vi áp dụng QCVN hay không?</p>	<p>Đối tượng áp dụng của QCVN 16:2023/BXD là “ván ghép từ thanh dày” và “ván ghép từ thanh trung bình”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ván ghép từ thanh dày: chiều rộng thanh từ 7mm đến 30 mm; - Ván ghép từ thanh trung bình: chiều rộng thanh lớn hơn 30 mm đến 76 mm. <p>Do đó, ván ghép từ các thanh có chiều rộng < 7 mm hay > 76 mm đều không thuộc phạm vi áp dụng của QCVN 16:2023/BXD.</p>
16	Ván gỗ nhân tạo	Quy cách mẫu	Đề nghị bổ sung và làm rõ quy cách lấy mẫu	<p>Quy cách mẫu: được làm rõ như sau:</p> <p>Lấy tối thiểu 02 mẫu nguyên khối ở mỗi lô hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với mẫu kích thước tiêu chuẩn 1220x2440 mm lấy tối thiểu 02 tấm; - Đối với mẫu có kích thước khác lấy đủ số lượng mẫu để thử nghiệm cho các chỉ tiêu theo quy định.

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
17	Pháp lý	Dấu hợp quy	QCVN 16:2023/BXD đang viện dẫn cả 02 thông tư Thông tư 28/2012/TT-BKHCN và phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư 26/2019/TT-BKHCN. Trong khi mỗi Thông tư quy định Dấu Hợp quy khác nhau.	- Thông tư 28/2012/TT-BKHCN quy định về mẫu dấu hợp quy (Hình dạng, kích thước của dấu hợp quy). - Thông tư 26/2019/TT-BKHCN quy định về cách trình bày ký hiệu QCVN trên dấu hợp quy. Vì vậy, việc viện dẫn 02 thông tư trên là hoàn toàn phù hợp.
18	Pháp lý	Ghi nhãn	Nghị định 43/2017/NĐ-CP Nghị định 111/2021/NĐ-CP Thông tư 18/2022/TT-BKHCN → Như vậy: Thông tư 18/2022/TT-BKHCN về nhãn điện tử có bắt buộc áp dụng đối với hàng hóa vật liệu xây dựng không?	Nghị định 43/2017/NĐ-CP và Nghị định 111/2021/NĐ-CP quy định về các thông tin ghi nhãn hàng hóa; Thông tư 18/2022/TT-BKHCN quy định các thông tin về nhãn hàng hóa khi thể hiện bằng phương thức điện tử. Vì vậy, tùy theo tổ chức, cá nhân lựa chọn ghi nhãn hàng hóa bằng phương thức điện tử hoặc lựa chọn ghi trên nhãn hàng hóa gắn trực tiếp trên hàng hóa hoặc bao bì thương phẩm của hàng hóa hoặc ghi trong tài liệu kèm theo của hàng hóa.
19	Thiết bị vệ sinh		Trong QCVN 16:2023/BXD quy định khả năng làm sạch cho sản phẩm chậu rửa phải đáp ứng theo điều 4.6-TCVN 12648:2020, tuy nhiên trong TCVN 12648:2020 lại viện dẫn sang phần kiểm tra độ bền nhiệt, Kiến nghị hướng dẫn xem xét mục này và có hướng dẫn thêm cho việc tuân thủ theo quy định	Theo Bảng 1 - QCVN 16:2023/BXD cột “Phương pháp thử”, chỉ tiêu “Khả năng làm sạch” của Chậu rửa dẫn chiếu đến “Điều 5.8-TCVN 12648:2020”. Điều này là hoàn toàn đúng với nội dung của TCVN 12648:2020 - Thiết bị vệ sinh - Chậu rửa - Yêu cầu tính năng và phương pháp thử. Tuy nhiên, theo Điều 5.8 - TCVN 12648:2020, quy định: Khả năng làm sạch được dẫn chiếu đến Điều 4.3 là chưa chính xác. Dẫn chiếu chính xác phải là Điều 4.6. Vì vậy, khi kiểm tra chỉ tiêu "Khả năng làm sạch" đối với sản phẩm chậu rửa theo QCVN 16:2023/BXD thì tổ chức, cá nhân phải áp dụng Điều 4.6.
20	Thiết bị vệ sinh		QCVN 16:2023/BXD quy định đặc tính xả của sản phẩm bồn tiểu nam treo tường phải đáp ứng quy định tại Điều điều 6.2 - TCVN 12651:2020 - là yêu cầu áp dụng cho bồn tiểu treo tường kiểu 1. Vậy đối với bồn tiểu treo tường kiểu 2 có phải tuân theo quy định QCVN 16:2023/BXD hay không?	Sản phẩm bồn tiểu nam kiểu 2 vẫn phải tuân theo QCVN 16/2023/BXD. Lý do như sau: Theo TCVN 12651:2020 - Bồn tiểu nam treo tường - Yêu cầu chức năng và phương pháp thử, quy định tại Bảng 1 - Các kiểu đại diện của bồn tiểu nam treo tường là Kiểu đại diện I, II, III và IV (Type I, II, III, IV). Tại Điều 5. Phân loại: được chia thành 02 kiểu/loại (Class 1

STT	Nội dung	Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
			<p>và class 2). Theo đó, quy định kiểu/loại theo kiểu bố trí hệ thống thoát nước của bồn tiểu tại Bảng 2-EN 12056-2 cũng gồm 04 kiểu/hệ thống I, II, III, IV (System I, System II, System III, System IV).</p> <p>Sản phẩm Bồn tiểu nam treo tường được thử nghiệm theo 6.6.1.2 hoặc theo 7.5.1 sẽ tùy thuộc vào Kiểu bố trí hệ thống thoát nước (System I, II, III, IV) của Tiêu chuẩn EN 12056-2.</p> <p>Trong trường hợp, không xác định được kiểu hệ thống thoát nước (System) thì sẽ áp dụng thử theo 6.6.1.2 và đánh giá theo 6.1. của TCVN 12651:2020.</p>
21	Thiết bị vệ sinh	Mã HS của xí bệt quy định trong QCVN 16:2023/BXD là 7324.90.10; 6910.10.00. Vậy đối với sản phẩm Shower toilet (bàn cầu phun rửa điện tử gồm thân sứ và nắp điện tử) không có két nước đi kèm (xả trực tiếp không cần két nước dự trữ) thì có tuân theo mã HS code này không? Và khi nhập khẩu sản phẩm Shower toilet về Việt Nam thì có thuộc phạm vi áp dụng QCVN 16:2023/BXD hay không	<p>- Tại QCVN 16:2023/BXD quy định mức yêu cầu về đặc tính xả cho sản phẩm bệ xí bệt theo Điều 5.2 - TCVN 12649:2020 (quy định về đặc tính xả cho các sản phẩm kiểu 1 - mã HS là 7324.90.10 và 6910.10.00). Theo đó, <u>chi tiêu đặc tính xả</u> của Bệ xí kiểu 2 không thuộc phạm vi quy định của QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>- Tuy nhiên, bệ xí kiểu 2 được quy định tại Mục 4. Phân loại (TCVN 12649:2020) như sau: Bộ xí được thiết kế sử dụng với <i>một van xả áp lực</i> hoặc <i>một két xả</i> kết hợp với thiết bị xả khác và thử nghiệm như mô tả trong Điều 6, sử dụng thể tích xả lớn nhất 6L hoặc kết hợp xả đôi lớn nhất 6L và xả giảm không lớn hơn hai phần ba thể tích xả lớn nhất”.</p> <p>Do đó <i>sản phẩm Shower toilet (bàn cầu phun rửa điện tử gồm thân sứ và nắp điện tử) không có két nước đi kèm (xả trực tiếp không cần két nước dự trữ) chưa đầy đủ thông tin để xác định là bệ xí Kiểu 2</i>. Vì vậy, cũng chưa đủ căn cứ để kết luận được chính xác sản phẩm xí bệt trên có thuộc đối tượng áp dụng của QCVN 16:2023/BXD.</p> <p>- Thiết bị vệ sinh bằng thép, inox đều thuộc đối tượng áp dụng của QCVN 16:2023/BXD.</p>

STT	Nội dung		Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
22	Thang máng cáp		<p>Theo QCVN 16:2023/BXD tại bảng 1 - Thứ tự X - mục 2 - Sản phẩm hệ thống thang cáp và máng cáp phải được thử khả năng chống cháy lan theo phương pháp TCVN 9900-2-11:2013; TCVN 9900-11-2: 2023/BXD. Đây là 2 phương pháp thử cháy cho vật PHI KIM LOẠI. Ngay cả khi áp dụng tiêu chuẩn sản phẩm thử nghiệm cho thang máng cáp theo TCVN 10688:2015 (điều 13) cũng chỉ quy định thử trên vật liệu phi kim loại.</p> <p>Tuy nhiên QCVN 16:2013 quy định thang máng cáp bằng SẮT hoặc THÉP phải thử khả năng chống cháy lan. Vậy sản phẩm này có thuộc phạm vi của QCVN 16:2023/BXD hay không?</p> <p>Yêu cầu thử độ bền cơ học của thang, máng cáp. Việc thử độ bền cơ học yêu cầu mẫu thử phải lắp ráp, gia công sao cho bao gồm các mối nối theo thiết kế nên Bộ XD cần phải xem lại quy định về lấy mẫu như trong QCVN 16 có đảm bảo để có thể thử được độ bền cơ học theo hướng dẫn của tiêu chuẩn thử nghiệm</p>	<p>Thang máng cáp bằng kim loại thường được sơn phủ bảo vệ, có nguy cơ gây cháy lan nên việc đánh giá khả năng chống cháy lan là cần thiết.</p> <p>Việc lấy mẫu đánh giá đặc tính độ bền cơ học của mẫu được quy định tại QCVN 16:2023/BXD. Đối với trường hợp hệ thống thang máng cáp đặc biệt thì PTN phải đưa ra các yêu cầu cụ thể bổ sung cho việc lấy mẫu đủ để đánh giá chất lượng độ bền cơ học.</p>
23	Cát nghiên cho bê tông và vữa	Hàm lượng hạt sét	<p>Chỉ tiêu hàm lượng hạt sét: Thử nghiệm theo TCVN 7572:2006, Phương pháp thử xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục.</p> <p>→ Kiến nghị: Cần chỉ rõ Hàm lượng hạt sét chính là Hàm lượng sét cục</p> <p>Vì phương pháp thử TCVN 7572:2006 chỉ xác định:</p> <p>1/ Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét;</p> <p>2/ Xác định hàm lượng sét cục.</p>	<p>Chỉ tiêu “Hàm lượng hạt sét” được quy định cụ thể tại Điều 3.7 - TCVN 9205:2012.</p> <p>Phương pháp thử TCVN 7572-8:2006, xác định hàm lượng hạt sét quy định:</p> <p>1/ Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét: áp dụng thử cho cốt liệu nhỏ và cốt liệu lớn;</p> <p>2/ Xác định hàm lượng sét cục: áp dụng thử cho cốt liệu nhỏ.</p>
24	Ống luồn dây điện		<p>Theo quy định của bộ tiêu chuẩn TCVN 7417 (IEC 61386) thì ống luồn dây điện được phân loại theo khả năng chống cháy lan nên có loại chống cháy lan và loại không có khả năng chống cháy lan. Công dụng chủ yếu của ống luồn dây điện là bảo vệ về mặt cơ học cho dây dẫn điện bên trong, không nhất thiết phải bảo vệ chống cháy cho dây điện. Do vậy, ở những nơi không cần chống cháy lan thì người ta vẫn có thể sử dụng loại ống không chống cháy</p>	<p>Phạm vi quy định của QCVN 16:2023/BXD là Ống và phụ tùng (phụ kiện ghép nối) dùng để bảo vệ lắp đặt trong nhà. Vì vậy, đặc tính chống cháy lan cần được kiểm tra nhằm hạn chế tính cháy lan khi xảy ra sự cố.</p>

STT	Nội dung	Ý kiến đề xuất, kiến nghị	Ý kiến trả lời
		<p>lan. Tất cả các đặt tính quy định của ống luôn dây điện phải được nhà sản xuất công bố đến người sử dụng.</p> <p>Nếu yêu cầu tất cả ống luôn dây điện sử dụng cho thị trường Việt Nam phải có đặt tính chống cháy tức là quy định chỉ được sử dụng loại ống chống cháy lan liệu có gây khó khăn trong việc sử dụng ống luôn dây điện và khó khăn cho các nhà sản xuất, nhập khẩu đang sản xuất, nhập khẩu các loại ống không có đặt tính chống cháy lan.</p>	
25	<p>Các sản phẩm ống cấp thoát nước (gồm Ống và phụ tùng PVC, PE, PP, GRP, Ống và phụ tùng bằng gang dẻo)</p>	<p>Phân lấy mẫu tối thiểu 06 phụ tùng để thử bền áp.</p> <p>➔ Hiện nay việc thử bền áp của phụ tùng sẽ được chuẩn bị kèm với ống có đường kính tương ứng, như vậy sẽ có trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lô hàng nhập về chỉ có phụ tùng, không có ống cùng size đi kèm để chuẩn bị mẫu thử. + Lô hàng nhập về kèm ống và phụ tùng, tuy nhiên ống có đường kính không phù hợp với phụ tùng đi kèm <p>➔ Với các trường hợp này việc lấy mẫu thử nghiệm cho phụ tùng không thực hiện được.</p> <p>Nhóm tiêu chuẩn viện dẫn trong QCVN 16:2023/BXD đang áp dụng cho nhóm sản phẩm cấp thoát nước (nhóm ống nhựa, chủ yếu kiểm soát ống có áp, tuy nhiên trong QCVN 16:2023/BXD vẫn đang viện dẫn 03 tiêu chuẩn không có áp TCVN 12304:2018, TCVN 12305:2018, ISO 4435:2003)</p>	<p>- Về quy định lấy mẫu (phụ tùng) để thử bền áp: Đối với mẫu phụ tùng nhập khẩu không có ống cùng size hoặc không kèm ống có đường kính phù hợp thì PTN có thể sử dụng ống có cùng kích thước danh nghĩa và cấp chịu áp bằng hoặc cao hơn cấp chịu áp của phụ tùng thử nghiệm có sẵn trên thị trường để chuẩn bị mẫu thử.</p> <p>- Về tài liệu viện dẫn các tiêu chuẩn ống thoát nước không chịu áp: sẽ thực hiện loại bỏ các tiêu chuẩn viện dẫn không liên quan trong các phiên bản soát xét lần sau.</p>